

- a) Nợ TK “Nguyên vật liệu”  
    Có TK “Tiền mặt”
- b) Nợ TK “Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp”  
    Có TK “Nguyên vật liệu”
- c) Nợ TK “Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp”  
    Có TK “Tiền mặt”
- d) Các phương án trên đều sai.

**Câu 14.** Nghiệp vụ “Xuất kho vật liệu phụ phục vụ trực tiếp cho chế tạo sản phẩm” được định khoản:

- a) Nợ TK “Chi phí sản xuất chung”  
    Có TK “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”
- b) Nợ TK “Chi phí sản xuất chung”  
    Có TK “Nguyên vật liệu”
- c) Nợ TK “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”  
    Có TK “Chi phí sản xuất chung”
- d) Nợ TK “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”  
    Có TK “Nguyên vật liệu”

**Câu 15.** Chi phí nhân công trực tiếp:

- a) Chỉ bao gồm tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- b) Chỉ bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- c) Bao gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích (19%) cho các quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất.
- d) Các đáp án trên đều sai.

**Câu 16.** Chi phí quảng cáo sản phẩm được kế toán hạch toán vào:

- a) Bên Nợ Tài khoản “Chi phí sản xuất chung”.
- b) Bên Nợ Tài khoản “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.
- c) Bên Nợ Tài khoản “Chi phí bán hàng”.
- d) Bên Nợ Tài khoản “Chi phí khác”.

**Câu 17.** Giá vốn hàng bán là:

- a) Giá ghi trên Hoá đơn bán hàng (giao cho khách hàng).
- b) Giá được khách hàng chấp nhận.

- c) Giá trị thị trường tương đương của hàng hoá được bán.
- d) Giá xuất kho của hàng bán.

**Câu 18.** Chi phí bán hàng của doanh nghiệp:

- a) Bao gồm toàn bộ tiền lương nhân viên bán hàng.
- b) Không bao gồm chi phí quảng cáo, chào hàng.
- c) Bao gồm cả giá vốn của lượng hàng đã bán.
- d) Không được phép phát sinh với quy mô lớn hơn chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Câu 19.** Khi số thành phẩm đang gửi bán được khách hàng chấp nhận thanh toán, phát sinh Có Tài khoản “Hàng gửi bán” sẽ được ghi đối ứng với:

- a) Phát sinh Nợ Tài khoản “Thành phẩm”.
- b) Phát sinh Có Tài khoản “Thành phẩm”.
- c) Phát sinh Nợ Tài khoản “Giá vốn hàng bán”.
- d) Phát sinh Có Tài khoản “Giá vốn hàng bán”.

**Câu 20.** Khi xác định kết quả, doanh thu bán hàng thuần sẽ được:

- a) Kết chuyển về bên Nợ Tài khoản “Xác định kết quả”.
- b) Kết chuyển về bên Có Tài khoản “Xác định kết quả”.
- c) Kết chuyển về bên Có Tài khoản “Lợi nhuận chưa phân phối”.
- d) Các đáp án trên đều sai.

## BÀI TẬP CHƯƠNG 5

### Bài số 1

#### **I. Tài liệu:**

Cho số dư đầu kỳ của các tài khoản kế toán của Doanh nghiệp ABC (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) như sau: (đơn vị tính: 1.000 đồng):

|  |         |
|--|---------|
| – TK Tiền mặt:                             | 260.000 |
| – TK Tiền gửi ngân hàng:                   | 420.000 |
| – TK Phải thu khách hàng ( <i>Dư Nợ</i> ): | 170.000 |
| – TK Thành phẩm:                           | 240.000 |
| – TK Hàng gửi bán:                         | 120.000 |
| – TK Nguyên vật liệu:                      | 310.000 |

|   |           |
|---|-----------|
| – TK Phải trả người bán ( <i>Dư Nợ</i> ):       | 270.000   |
| – TK TSCĐ hữu hình:                             | 2.350.000 |
| – TK hao mòn TSCĐ hữu hình:                     | 420.000   |
| – TK Phải trả người bán ( <i>Dư Có</i> ):       | 190.000   |
| – TK Vay ngắn hạn:                              | 210.000   |
| – TK Lợi nhuận chưa phân phối ( <i>Dư Có</i> ): | 160.000   |
| – TK Nguồn vốn kinh doanh:                      | 3.160.000 |

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Khách hàng thanh toán tiền hàng còn nợ kỳ trước bằng chuyển khoản 125.000.
2. Xuất kho thành phẩm chuyển cho khách hàng chờ chấp nhận thanh toán với giá vốn là 150.000, giá bán có thuế GTGT 10% là 220.000.
3. Mua nguyên vật liệu nhập kho trừ vào số tiền đã trả trước cho người bán theo giá hoá đơn có thuế GTGT 5% là 210.000.
4. Tính ra tiền lương phải trả bộ phận bán hàng là 15.000, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 20.000.
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ 19% tính vào chi phí.
6. Thanh toán cho người bán bằng tiền vay ngắn hạn 95.000.
7. Khách hàng thanh toán toàn bộ số hàng gửi bán kỳ trước bằng tiền mặt theo giá hoá đơn có thuế GTGT 10% là 176.000.
8. Trích khấu hao TSCĐ hữu hình 25.000, trong đó dùng cho bán hàng là 12.000, còn lại là của bộ phận quản lý doanh nghiệp.
9. Khách hàng thông báo chấp nhận mua 3/5 số hàng gửi bán trong kỳ.
10. Thanh toán tiền vay ngắn hạn đến hạn trả bằng chuyển khoản 105.000.
11. Thanh toán tiền lương cho công nhân viên bằng tiền mặt 29.500.
12. Nhận vốn kinh doanh bằng một TSCĐ hữu hình theo giá thỏa thuận là 260.000.
13. Trích lợi nhuận lập quỹ khen thưởng 15.000 và quỹ đầu tư phát triển 35.000.

## II. Yêu cầu:

1. Xác định kết quả tiêu thụ trong kỳ của doanh nghiệp.
2. Định khoản, phản ánh vào tài khoản và tính ra số dư cuối kỳ của các tài khoản, kể cả các bút toán kết chuyển xác định kết quả.

## Bài số 2

### I. Tài liệu:

Cho số dư đầu kỳ của một số tài khoản tại doanh nghiệp An Bình như sau (đơn vị tính: 1.000 đồng):

TK Nguyên vật liệu: 58.800 (trong đó, Vật liệu chính: 40.800, vật liệu phụ: 18.000)

TK Hàng mua đi đường: 23.500 (trong đó, Vật liệu chính: 17.500, công cụ: 6.000)

TK Công cụ, dụng cụ: 32.000

*Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ (Đơn vị tính: 1.000 đồng)*

1. Vật liệu đi đường kỳ trước về tới doanh nghiệp, đã kiểm nhận, nhập kho đủ. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ đã thanh toán bằng tiền mặt: 2.750 (bao gồm thuế GTGT 10%).

2. Mua vật liệu chính nhập kho theo giá chưa có thuế 20.000, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán toàn bộ bằng tiền gửi ngân hàng.

3. Xuất kho vật liệu chính cho sản xuất sản phẩm: 12.000, cho nhu cầu chung ở phân xưởng: 2.400, cho quản lý doanh nghiệp: 3.500.

4. Công cụ, dụng cụ đi đường tháng trước về tới doanh nghiệp, đã nhập kho đủ.

5. Xuất kho vật liệu phụ cho sản xuất sản phẩm: 2.500, cho quản lý phân xưởng: 850.

6. Mua nhiên liệu đã nhập kho, nhưng chưa nhận được hoá đơn, kế toán ghi sổ theo giá tạm tính là 20.000.

7. Mua vật liệu chính theo giá hoá đơn thuế GTGT 10% là 16.500, tiền hàng chưa trả. Cuối tháng vật liệu chưa về nhập kho.

8. Nhận được hoá đơn của số vật liệu chính mua nhập kho từ tháng trước, giá mua (bao gồm cả thuế GTGT 10%) là 15.400. Được biết tháng trước, kế toán đã tạm ghi sổ số vật liệu chính này theo giá 12.000. Kế toán đã tiến hành điều chỉnh giá tạm tính bằng bút toán bổ sung và thanh toán tiền cho người bán bằng chuyển khoản.

### II. Yêu cầu:

1. Định khoản và phản ánh tình hình trên vào tài khoản kế toán.

2. Tính giá trị vật liệu, dụng cụ đã nhập kho, xuất kho trong kỳ và tồn kho cuối kỳ. Cho biết căn cứ tính toán.

3. Tại nghiệp vụ 8, nếu không sử dụng bút toán bổ sung thì kế toán có thể điều chỉnh giá tạm tính bằng các cách nào khác?

4. Giả sử giá hóa đơn ở nghiệp vụ 8 có thuế GTGT 10% là 12.100 thì kế toán điều chỉnh như thế nào?

### **Bài số 3**

#### ***I. Tài liệu***

Cho tình hình tại một doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ như sau (đơn vị tính: 1.000 đồng):

1. Mua nguyên vật liệu, giá mua theo hoá đơn chưa có thuế là 15.000, thuế suất thuế GTGT 10%; toàn bộ tiền hàng đã thanh toán cho nhà cung cấp bằng chuyển khoản, số hàng mua đã được kiểm nhận, nhập kho đủ. Chi phí vận chuyển trả hộ người bán bằng tiền mặt 1.500.

2. Xuất nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm: 55.000, cho quản lý phân xưởng: 7.500.

3. Xuất công cụ dùng cho sản xuất 15.000.

4. Chi phí khấu hao TSCĐ ở phân xưởng sản xuất là 12.000.

5. Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất sản phẩm là 18.000, tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng là 4.500.

6. Trích KPCĐ, BHXH, BHYT theo tỷ lệ quy định.

7. Tiền điện dùng ở phân xưởng sản xuất phải trả theo giá hoá đơn (chưa có thuế GTGT 10%) là 3.500.

8. Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung vào tài khoản tính giá thành.

9. Cuối tháng phân xưởng sản xuất hoàn thành nhập kho 500 sản phẩm.

10. Xuất kho gửi bán 200 thành phẩm cho công ty M.

#### ***II. Yêu cầu:***

1. Định khoản và phản ánh vào tài khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2. Tính tổng giá thành sản xuất và giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Biết: cuối kỳ không có sản phẩm dở dang, giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ là 20.000.

3. Nếu giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tăng thêm 7.000 và giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ giảm đi 5.000 thì tổng giá thành sản xuất và giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm hoàn thành sẽ thay đổi như thế nào?



## Bài số 4

### I. Tài liệu:

Tình hình sản xuất hai loại sản phẩm A và B tại một doanh nghiệp trong tháng 11/N như sau (đơn vị tính: 1.000 đồng):

1. Xuất vật liệu chính để chế tạo sản phẩm A là 80.000, sản phẩm B là 50.000.

2. Mua vật liệu chính, tổng giá thanh toán có thuế GTGT 10% là 90.200, số vật liệu này dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm A là 15.000, cho chế tạo sản phẩm B là 8.000, số còn lại đã nhập kho đủ. Đơn vị đã thanh toán 50% tiền hàng bằng chuyển khoản.

3. Thanh toán tiền điện, nước mua ngoài (sử dụng ở phân xưởng sản xuất) bằng tiền mặt, tổng số tiền theo giá hoá đơn chưa có thuế là 6.600, thuế suất thuế GTGT 10%.

4. Tính ra tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm A: 45.000, sản phẩm B: 30.000, tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng: 18.000, nhân viên quản lý doanh nghiệp 12.000.

5. Trích Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo tỷ lệ quy định.

6. Khấu hao máy móc thiết bị sản xuất: 5.000, khấu hao nhà xưởng: 3.500.

7. Thanh toán 50% tiền lương phải trả cho công nhân viên bằng tiền mặt.

8. Xuất kho công cụ, dụng cụ cho sản xuất 25.000.

9. Nhập kho 1.000 sản phẩm A và 500 sản phẩm B hoàn thành.

### II. Yêu cầu:

1. Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm, biết chi phí sản xuất chung được phân bổ cho từng loại sản phẩm theo chi phí nguyên vật liệu chính.

2. Tính tổng giá thành sản xuất và giá thành sản xuất đơn vị từng loại sản phẩm.

3. Định khoản và phản ánh tình hình trên vào tài khoản kế toán.

4. Tổng giá thành sản xuất và giá thành sản xuất đơn vị của từng loại sản phẩm sẽ thay đổi như thế nào khi chi phí sản xuất chung được phân bổ cho từng loại sản phẩm theo tiền lương của lao động trực tiếp.

*Cho biết:*

– Đầu kỳ và cuối kỳ không có sản phẩm dở dang.

– Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

## Bài số 5

### I. Tài liệu:

Cho biết tình hình tài sản của doanh nghiệp A lúc đầu tháng 1/N như sau (đơn vị tính: 1.000 đồng):

|                                     |           |
|-------------------------------------|-----------|
| Tài sản cố định hữu hình:           | 1.400.000 |
| Phải thu ở người mua:               | 180.000   |
| Nguyên vật liệu tồn kho:            | 170.000   |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi:          | 100.000   |
| Thành phẩm tồn kho:                 | 200.000   |
| Tiền lương phải trả công nhân viên: | 45.000    |
| Tiền mặt tại quỹ:                   | 200.000   |
| Ứng trước cho người bán:            | 75.000    |
| Tiền gửi ngân hàng:                 | 80.000    |
| Vay dài hạn ngân hàng:              | 200.000   |
| Phải trả người bán:                 | 115.000   |
| Lợi nhuận chưa phân phối:           | 110.000   |
| Nguồn vốn kinh doanh:               | 1.700.000 |
| Hao mòn TSCĐ:                       | 35.000    |
| Chi phí sản xuất dở dang:           | 20.000    |
| Vay ngắn hạn ngân hàng:             | 20.000    |

Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (đơn vị: 1.000 đồng):

1. Mua nguyên vật liệu, giá mua theo hoá đơn chưa có thuế là 45.000, thuế suất thuế GTGT 10%; toàn bộ tiền hàng đã thanh toán cho nhà cung cấp bằng tiền vay ngắn hạn ngân hàng, số hàng mua đã được kiểm nhận, nhập kho đủ.

2. Thanh toán toàn bộ tiền lương còn nợ kỳ trước cho công nhân viên bằng tiền mặt.

3. Xuất nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm: 65.000, cho quản lý phân xưởng: 15.000

4. Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị ở phân xưởng sản xuất là 12.000

5. Tính ra tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất sản phẩm là 40.000, tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng là 15.000. Trích các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT theo tỷ lệ quy định.

6. Mua công cụ, dụng cụ dùng trực tiếp cho sản xuất, giá mua theo hoá đơn chưa có thuế là 20.000, thuế GTGT đầu vào 2.000. Toàn bộ đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

7. Tiền điện dùng ở phân xưởng theo giá chưa thuế: 8.000, thuế suất GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

8. Cuối tháng phân xưởng sản xuất hoàn thành và nhập kho 500 sản phẩm.

## **II. Yêu cầu:**

1. Định khoản và phản ánh vào tài khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tính số dư cuối kỳ của các tài khoản kế toán, biết doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2. Tính tổng giá thành sản xuất và giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm M. Biết cuối kỳ không có sản phẩm dở dang.

3. Lập Bảng cân đối tài khoản của doanh nghiệp tháng 1/N.

4. Tổng số dư bên Nợ cột cuối kỳ của Bảng cân đối tài khoản có phải là tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp cuối tháng 1/N không? Vì sao?

5. Tổng số dư bên Có cột cuối kỳ của Bảng cân đối tài khoản có phải là tổng giá trị nguồn vốn của doanh nghiệp cuối tháng 1/N không? Vì sao?

## **Bài số 6**

### **I. Tài liệu:**

Cho tình hình tại Công ty Hoa Mai trong tháng 09/N như sau (đơn vị tính: 1.000 đồng):

1. Xuất kho vật liệu chính cho sản xuất sản phẩm: 72.000.

2. Xuất kho một số công cụ lao động phục vụ bộ phận sản xuất: 20.000, phục vụ bán hàng: 12.000.

3. Các chi phí dịch vụ mua ngoài trong tháng (gồm: tiền điện, nước, điện thoại) theo giá chưa có thuế phục vụ cho sản xuất 55.000, phục vụ cho bán hàng 15.000 và quản lý doanh nghiệp: 38.500, thuế suất thuế GTGT 10%, toàn bộ đã thanh toán bằng chuyển khoản.



4. Tính ra tiền lương và phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất: 75.000, lương nhân viên bán hàng: 32.000, lương bộ phận quản lý doanh nghiệp: 23.000.

5. Trích KPCĐ, BHXH, BHYT theo tỉ lệ quy định.

6. Trích khấu hao tài sản cố định bộ phận sản xuất: 21.000, bộ phận bán hàng: 7.500, bộ phận quản lý doanh nghiệp: 8.500.

7. Nhập kho 200 sản phẩm hoàn thành từ phân xưởng sản xuất.

8. Xuất kho bán trực tiếp 100 sản phẩm cho khách hàng, giá bán được chấp nhận (bao gồm thuế GTGT 10%) là 9.020/sản phẩm. Khách hàng đã thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng chuyển khoản.

## **II. Yêu cầu:**

1. Tính giá thành sản xuất sản phẩm hoàn thành trong kỳ biết giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ là 14.000, đầu kỳ không có sản phẩm dở dang và Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2. Xác định kết quả tiêu thụ trong kỳ của Công ty.

3. Định khoản và phản ánh vào tài khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4. Kết quả của quá trình sản xuất có ảnh hưởng đến kết quả tiêu thụ không? Vì sao?

## **Bài số 7**

### **I. Tài liệu:**

Cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty T&T trong kỳ như sau (đơn vị tính: 1.000 đồng):

1. Xuất kho thành phẩm gửi đến cho công ty "X", giá vốn: 36.000, giá bán chưa thuế là 72.000 (thuế suất thuế GTGT 10%). Chi phí vận chuyển, bốc dỡ bằng tiền mặt theo giá chưa có thuế GTGT 5% 2.300.

2. Khách hàng "Y" mua trực tiếp một lô thành phẩm theo giá chưa thuế 82.000 (thuế suất thuế GTGT 10%) và đã thanh toán toàn bộ bằng chuyển khoản. Thành phẩm đã được xuất kho giao cho khách hàng. Được biết giá vốn của lô hàng này là 40.000.

3. Bộ phận sản xuất hoàn thành nhập kho thành phẩm trị giá 50.000.

4. Công ty "X" nhận được hàng và chấp nhận mua 4/5 số hàng đã nhận. Số còn lại đã gửi trả, nhập kho công ty T&T.

5. Công ty “K” thông báo chấp nhận mua toàn bộ số hàng gửi bán kỳ trước. Biết giá bán thoả thuận của lô hàng này là 220.000 (bao gồm thuế GTGT 10%), giá vốn 150.000.

6. Nhận được giấy báo Có của ngân hàng về số tiền công ty “K” trả 220.000.

7. Xuất kho nhiên liệu phục vụ bán hàng: 7.000, phục vụ quản lý doanh nghiệp: 5.000.

8. Tiền lương phải trả nhân viên bán hàng: 7.500, nhân viên quản lý doanh nghiệp: 14.500.

9. Trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định.

10. Khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng: 1.200, bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.800.

11. Chi phí điện nước đã thanh toán bằng tiền mặt theo giá hóa đơn có thuế GTGT 10% là 12.100, trong đó dùng cho bộ phận bán hàng 4.400, dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp 7.700.

## **II. Yêu cầu:**

1. Xác định kết quả tiêu thụ trong kỳ của công ty, biết công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2. Định khoản và phản ánh tình hình trên vào tài khoản kế toán, kể cả các bút toán kết chuyển.

## **Bài số 8**

### **I. Tài liệu:**

Doanh nghiệp OPQ (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 6/N như sau (Đơn vị tính: 1.000 đồng):

1. Mua nguyên vật liệu nhập kho trừ vào số tiền đã trả trước cho người bán theo giá hoá đơn có thuế GTGT 10% là 242.000.

2. Thanh toán cho người bán bằng chuyển khoản 135.000.

3. Trích khấu hao TSCĐ hữu hình trong kỳ là 19.000, trong đó dùng cho bán hàng là 8.000, còn lại dùng cho quản lý doanh nghiệp.

4. Khách hàng thanh toán 3/4 số hàng gửi bán kỳ trước qua ngân hàng với tổng số tiền theo hoá đơn có thuế GTGT 10% là 154.000.